

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2012/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

THÔNG TƯ**Ban hành Bộ Chương trình khung giáo dục đại học
khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học**

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ theo kết quả buổi họp Hội đồng tư vấn xây dựng chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe ngày 25 tháng 5 năm 2010 về báo cáo kết quả xây dựng chương trình khung giáo dục đại học trình độ đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Sức khỏe trình độ đại học, gồm 12 chương trình khung của 12 ngành sau:

1. Ngành Y đa khoa;
2. Ngành Dược;
3. Ngành Y học Cổ truyền;
4. Ngành Răng Hàm Mặt;
5. Ngành Xét nghiệm Y học;
6. Ngành Nhi khoa;
7. Ngành Điều dưỡng;

8. Ngành Y tế công cộng;
9. Ngành Vật lý trị liệu;
10. Ngành Kỹ thuật Phục hình răng;
11. Ngành Kỹ thuật Y học;
12. Ngành Xét nghiệm y học dự phòng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2012. Bộ chương trình khung kèm theo Thông tư này được dùng trong các đại học, học viện, các trường đại học được giao nhiệm vụ đào tạo các ngành học này ở trình độ đại học.

Điều 3. Căn cứ Bộ chương trình khung quy định tại Thông tư này, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học tổ chức xây dựng các chương trình giáo dục cụ thể của trường; tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục đại học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Giám đốc hoặc Hiệu trưởng thành lập.

Điều 4. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH: Y ĐA KHOA
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y đa khoa (General Medicine)

Mã ngành đào tạo: 52720101

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ đa khoa là đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh;

- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;

- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

- Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường;

- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;

- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường;

- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;

- Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng;

- Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục;

- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tham gia nghiên cứu khoa học

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu:*** 304 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục Quốc phòng (11 đvht).

- ***Thời gian đào tạo:*** 6 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	60
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu , trong đó:	
	Kiến thức cơ sở của ngành	57
	Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	116
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	56
	Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	15
Tổng cộng		304

3. Khối kiến thức bắt buộc**3.1. Danh mục các học phần bắt buộc****3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương****55 đvht (49 LT - 6TH)**

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	4	
4	Ngoại ngữ	12	12	
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*	11*	
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Dân số học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	5	4	1
10	Lý sinh	4	3	1
11	Hóa học	5	4	1
12	Tin học ứng dụng	2	1	1
13	Xác suất - Thống kê y học	3	2	1
14	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
15	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0
Tổng cộng		55*	49*	6*

* Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - an ninh

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:**3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành:****57 đvht (39 LT - 18 TH)**

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu	6	4	2
2	Mô phôi	4	3	1
3	Sinh lý	5	3	2

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
4	Hóa sinh	5	4	1
5	Vi sinh	4	3	1
6	Ký sinh trùng	4	3	1
7	Giải phẫu bệnh	3	2	1
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	4	3	1
9	Dược lý	5	4	1
10	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
11	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	3	2	1
12	Dịch tễ học	3	2	1
13	Điều dưỡng cơ bản	3	2	1
14	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
15	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2
	Tổng cộng	57	39	18

3.1.2.2. Kiến thức ngành:**116 đvht (57 LT - 59 TH)**

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Nội cơ sở	8	4	4
2	Ngoại cơ sở	8	4	4
3	Nội bệnh lý	16	7	9
4	Ngoại bệnh lý	12	5	7
5	Phụ sản	12	5	7
6	Nhi khoa	12	5	7
7	Truyền nhiễm	5	3	2
8	Y học cổ truyền	4	2	2
9	Lao	3	2	1
10	Răng hàm mặt	3	2	1
11	Tai mũi họng	3	2	1
12	Mắt	3	2	1
13	Da liễu	3	2	1

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
14	Phục hồi chức năng	3	2	1
15	Thần kinh	3	2	1
16	Tâm thần	3	2	1
17	Ung thư	3	2	1
18	Tiền lâm sàng	4	0	4
19	Y học gia đình	2	1	1
20	Chương trình y tế quốc gia	2	2	0
21	Tổ chức và quản lý y tế	2	1	1
22	Thực tập cộng đồng 2	2	0	2
Tổng cộng		116	57	59

3.2. Mô tả nội dung các kiến thức bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học và cao đẳng.

8. Dân số học: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

9. Sinh học và di truyền: 5 đvht

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); Cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

10. Lý sinh: 4 đvht

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

11. Hóa học: 5 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

12. Tin học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

13. Xác suất - Thống kê y học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

14. Tâm lý y học - đạo đức y học: 3 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

15. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

16. Giải phẫu: 6 đvht

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận/cơ quan/hệ cơ quan của cơ thể người; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Giải phẫu I* - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu đầu mặt cổ, chi trên, ngực.

- *Giải phẫu II* - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu bụng, chi dưới..

17. Mô phôi: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

18. Sinh lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, hóa học, giải phẫu

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường; vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

19. Hóa sinh: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản và hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học.

20. Vi sinh: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

21. Ký sinh trùng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

22. Giải phẫu bệnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng để xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

23. Sinh lý bệnh - miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn.

24. Dược lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

25. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, vi sinh

Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

26. Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh, ký sinh trùng, sinh lý bệnh - miễn dịch

Nội dung gồm các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe; các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe con người; các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau; các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động; các ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

27. Dịch tễ học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

28. Điều dưỡng cơ bản: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

29. Chẩn đoán hình ảnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, giải phẫu

Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

30. Thực tập cộng đồng 1: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, truyền thông và giáo dục sức khỏe.

Học phần thực tập cộng đồng 1 giúp sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường.

31. Nội cơ sở: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa.

Môn học nội cơ sở được thiết kế thành 2 học phần:

- *Nội cơ sở I* - 4 đvht. Nội dung gồm triệu chứng học về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

- *Nội cơ sở II* - 4 đvht. Nội dung gồm triệu chứng học các chuyên khoa: Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

32. Ngoại cơ sở: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây mê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

Môn học Ngoại cơ sở được thiết kế thành 2 học phần:

- *Ngoại cơ sở I* - 4 đvht. Nội dung gồm triệu chứng học của các chuyên khoa: Cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch.

- *Ngoại cơ sở II* - 4 đvht. Nội dung gồm triệu chứng học của các chuyên khoa: Sọ não, cơ - xương khớp, tiết niệu, chấn thương, nhi khoa.

33. Nội bệnh lý: 16 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa.

Môn học Nội bệnh lý được thiết kế thành 4 học phần:

- *Nội bệnh lý I* - 4 đvht:

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch.

- *Nội bệnh lý II* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

- *Nội bệnh lý III* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Thần kinh, cơ - xương khớp.

- *Nội bệnh lý IV* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Tiết niệu, nội tiết.

34. Ngoại bệnh lý: 12 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.

Môn học Ngoại bệnh lý được thiết kế thành 3 học phần:

- *Ngoại bệnh lý I* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Cấp cứu, Tiêu hóa.

- *Ngoại bệnh lý II* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, cơ - xương khớp.

- *Ngoại bệnh lý III* - 4 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: Sọ não, tiết niệu, nhi khoa.

35. Phụ sản: 12 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở.

Môn học Phụ sản được thiết kế thành 3 học phần:

- *Phụ sản I* - 4 đvht.

Triệu chứng, chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường. Chẩn đoán, định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu.

- *Phụ sản II* - 4 đvht.

Triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp thai nghén bệnh lý. Tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng.

- *Phụ sản III* - 4 đvht.

Triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số bệnh phụ khoa thường gặp.

36. Nhi khoa: 12 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Môn học Nhi khoa được thiết kế thành 3 học phần:

- *Nhi khoa I* - 4 đvht.

Chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa. Đặc điểm cơ bản về giải phẫu và sinh lý các hệ thống, các bộ phận cơ thể trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em.

- *Nhi khoa II* - 4 đvht.

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa I

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em. Chẩn đoán và xử trí các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

- *Nhi khoa III* - 4 đvht.

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa II.

Chẩn đoán và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em. Chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh.

37. Truyền nhiễm: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, các thể lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và biện pháp dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

38. Y học cổ truyền: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm những điểm cơ bản về lý luận, thuốc đông dược và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường. Các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.

39. Lao: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm thực trạng bệnh lao ở Việt Nam và trên Thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình phòng chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao; chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp.

40. Răng hàm mặt: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các đặc điểm hình thái và mối quan hệ chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Thực trạng và định hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam. Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng Răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.

41. Tai mũi họng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và xử trí các bệnh tai mũi họng thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp. Chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng.

42. Mắt: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

43. Da liễu: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các thương tổn cơ bản của các bệnh da liễu thường gặp. Điều trị và phòng chống các bệnh da liễu thường gặp ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

44. Phục hồi chức năng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng.

45. Thần kinh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản

trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông...

46. Tâm thần: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các khái niệm sức khỏe tâm thần, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Các biểu hiện triệu chứng, hội chứng học trong thực hành tâm thần học. Xử trí các trạng thái cấp cứu trong tâm thần. Tổ chức chăm sóc, theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng. Các phương pháp điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần.

47. Ung thư: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp.

48. Tiền lâm sàng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, truyền thông và giáo dục sức khỏe.

Thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa,... trên mô hình hoặc bệnh nhân giả định trước khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

49. Y học gia đình: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Nhi khoa, Phụ khoa và truyền thông và giáo dục sức khỏe.

Nội dung gồm nguyên lý y học gia đình và việc triển khai ứng dụng vào công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình và một nhóm dân cư tại cộng đồng.

50. Chương trình y tế quốc gia: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lao, truyền nhiễm.

Nội dung gồm hệ thống các chương trình y tế quốc gia, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp.

51. Tổ chức và quản lý y tế: 2 đvht

Nội dung bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng.

52. Thực tập cộng đồng 2: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý. Nhi khoa, Phụ khoa, chương trình y tế quốc gia, Truyền thông - giáo dục sức khỏe.

Thiết kế và thực hiện chẩn đoán, cấp cứu thông thường, theo dõi, điều trị sức khỏe gia đình và cộng đồng và bước đầu lập kế hoạch can thiệp.

4. Hướng dẫn sử dụng Chương trình khung đào tạo bác sĩ đa khoa để thiết kế các chương trình giáo dục cụ thể:

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Bác sĩ đa khoa

Chương trình khung đào tạo Bác sĩ đa khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa y có đào tạo Bác sĩ đa khoa.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 6 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Y đa khoa theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Y đa khoa hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Y đa khoa đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần y đa khoa đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập:

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện càng sớm càng tốt, thường được bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

+ Đợt I: vào năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong các môn học y học cơ sở, y học tiền lâm sàng, cơ sở chuyên ngành.

+ Đợt II: vào cuối năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong một số môn chuyên ngành.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. Thực tập nghề nghiệp:

Thực hành cận lâm sàng: Tại các phòng thí nghiệm của trường, bệnh viện.

Thực hành lâm sàng: Tại cơ sở y tế ở các tuyến.

Thực tế tại cộng đồng: Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

4.4.2. Thi tốt nghiệp:

Thời gian ôn thi và khóa luận: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thi: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hình thức thi: có 2 hình thức

- Khóa luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị
- Thi lý thuyết, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo Bác sỹ đa khoa

Để đào tạo Bác sỹ đa khoa, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà Trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các Trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn tối thiểu phải có:

Đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các môn học, học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ đa khoa.

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đủ các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu đào tạo các môn học/học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ đa khoa.

Đủ mạng lưới các Bệnh viện thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo Bác sỹ đa khoa.

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Phụ lục
(Đề xuất danh mục một số học phần bổ trợ)

1. Danh mục một số học phần bổ trợ:

50 ĐVHT trong đó 30 - 40 ĐVHT học Nội - Nhi hoặc Ngoại - Sản, 10 - 20 ĐVHT học các môn lâm sàng, cận lâm sàng sau:

- Nhà nước và Pháp luật
- Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Gây mê hồi sức
- Dị ứng
- Y học hạt nhân
- Hóa sinh lâm sàng (Hóa sinh 2)
- Chẩn thương chính hình
- Y học thảm họa
- Y học biển
- Pháp y
- Quản trị bệnh viện
- Kinh tế y tế
- Dược lý lâm sàng (Dược lý 2)
- Vinh sinh 2
- Sinh lý bệnh 2
- Ký sinh trùng 2

2. Mô tả nội dung cơ bản một số kiến thức bổ trợ:

2.1. Dị ứng

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

2.2. Y học hạt nhân

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y

học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

2.3. Hóa sinh lâm sàng

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Kiến thức và khả năng ứng dụng lý thuyết hóa sinh vào thực tế lâm sàng. Phương pháp kê xét nghiệm đúng và phù hợp cho bệnh nhân. Phương pháp đánh giá sự tương quan giữa kết quả xét nghiệm và bệnh cảnh lâm sàng. Giúp sinh viên nâng cao năng lực suy luận logic dựa trên xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị bệnh, trang bị khả năng đánh giá chất lượng xét nghiệm.

2.4. Kinh tế y tế

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Giải phẫu, Lý sinh, Hóa học, Sinh lý, Hóa sinh

Các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí. So sánh các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế; phân tích chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe; phân tích, lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

2.5. Dược lý lâm sàng

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Sản, Nhi, Nội bệnh học, Ngoại bệnh học.

Kiến thức về tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị như dược động học, tác dụng không mong muốn, những chống chỉ định, thận trọng... để thầy thuốc có thể kê đơn được an toàn và hợp lý.

2.6. Gây mê hồi sức

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Sản, Nhi, Nội bệnh học, Ngoại bệnh học.

Lịch sử phát triển của ngành Gây mê hồi sức. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp vô cảm để phẫu thuật; những kiến thức cơ bản về các thuốc sử dụng trong gây mê hồi sức; những tai biến và phiền nạn của các phương pháp vô cảm; Quy tắc chăm sóc và hồi sức bệnh nhân sau phẫu thuật; các phương pháp chống đau sau phẫu thuật; và cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương./.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: DƯỢC TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ Đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dược học (Pharmacy)

Mã ngành đào tạo: 52720401

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sỹ trình độ đại học là đào tạo những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.1. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- coi trọng việc kết hợp y - dược học hiện đại với y - dược học cổ truyền.

- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức

- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.

- Có kiến thức chuyên môn cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

Về kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.

- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.

- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 233 đơn vị học trình (đvht), chưa kể các học phần: Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng (11 đvht)

Thời gian đào tạo: 5 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu: (chưa kể học phần: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	58
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó	
	- Kiến thức cơ sở ngành	46
	- Kiến thức ngành	56
	- Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	58
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	15
Tổng cộng		233

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

53 đvht (48 LT-06 TH)

TT	Tên Môn học/Học phần	TS ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	

TT	Tên Môn học/Học phần	TS ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	
3	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN	4	4	
4	Ngoại ngữ (có ngoại ngữ chuyên ngành)	12	12	
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*	11*	
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Toán - Thống kê Y dược	4	3	1
9	Tin học ứng dụng	2	1	1
10	Vật lý 1	4	3	1
11	Hóa đại cương vô cơ	5	4	1
12	Sinh học	4	3	1
13	Tâm lý y học - Đạo đức y học	3	3	0
14	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2	0
Tổng cộng		54*	48*	6*

* Chưa tính môn học/học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành

46 đvht (36 LT-10 TH)

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Vật lý 2	2	1	1
2	Hóa phân tích	7	5	2
3	Giải phẫu	2	2	0
4	Sinh lý	4	3	1
5	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	4	3	1
6	Hóa sinh	5	4	1
7	Hóa lý dược	3	2	1
8	Vi sinh	2	1	1
9	Ký sinh trùng	2	2	0

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
10	Bệnh học	5	5	0
11	Thực vật dược	4	3	1
12	Hóa hữu cơ	6	5	1
Tổng cộng		46	36	10

3.1.2.2. Kiến thức ngành**56 đvht (39 LT- 17TH)**

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Dược lý	7	6	1
2	Dược liệu	6	4	2
3	Hóa dược	6	4	2
4	Bào chế & Công nghệ dược	8	6	2
5	Dược học cổ truyền	3	2	1
6	Pháp chế dược	3	3	0
7	Quản lý và kinh tế dược	4	3	1
8	Dược lâm sàng	6	4	2
9	Kiểm nghiệm	3	2	1
10	Dược động học	3	3	0
11	Độc chất học	3	2	1
12	Thực hành dược khoa	4	0	4
Tổng cộng		56	39	17

3.2. Mô tả nội dung các kiến thức bắt buộc:

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành được; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu chuyên ngành. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng - An ninh: 11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học và cao đẳng.

8. Tin học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê. Sử dụng hiệu quả một số phần mềm thường được ứng dụng trong công tác y dược.

9. Toán - Thống kê Y dược: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Bổ sung các kiến thức toán phục vụ cho thống kê.

Khái niệm thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết, so sánh các mẫu quan sát, phân tích hồi quy tương quan một biến số và hai biến số; cách lấy mẫu và xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y dược.

10. Vật lý 1: 4 đvht

Những khái niệm cơ bản của cơ học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học. Các nguyên lý của nhiệt động lực học. Cấu tạo và chuyển động của các trạng thái vật chất: khí, lỏng. Kiến thức cơ bản về các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học.

11. Hóa đại cương vô cơ: 5 đvht

Cấu tạo và tính chất của hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử; phức chất, vật thể) dựa trên nguyên lý cơ học lượng tử. Các đại lượng và các nguyên lý, quy luật của nhiệt động học (nội năng, entapi, entropi... trong các quá trình hóa học. Cơ chế và điều kiện phản ứng. Phân loại, tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ được quan tâm trong y - dược.

12. Sinh học: 4 đvht

Cấu trúc, cơ chế hoạt động của tế bào ở mức độ phân tử. Cơ sở phân tử của di truyền và biến dị. Đặc điểm di truyền của các nhóm sinh vật. Cấu tạo, nguồn gốc, chức năng, phân loại mô thực vật, động vật. Khái niệm đặc trưng và các quy luật của quần thể, quần xã, hệ sinh thái và các sinh giới.

Một số nội dung cơ bản của sinh học phân tử và công nghệ sinh học được ứng dụng trong Y - dược.

13. Tâm lý y học - đạo đức y học: 2 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

15. Vật lý 2: 2 đvht

Kiến thức cơ bản về các quy luật vật lý trong lĩnh vực quang học. ứng dụng các nguyên tắc vật lý trong các máy móc, thiết bị kỹ thuật, dụng cụ phân tích thường dùng trong lĩnh vực dược...

16. Hóa phân tích: 7 đvht**- Hóa phân tích 1: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ, Hóa hữu cơ

Phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa - khử, kết tủa, khối lượng.

- Hóa phân tích 2: (4 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Vật lý, Hóa lý, Hóa đại cương vô cơ, Hóa hữu cơ

Nguyên lý, ứng dụng của các phương pháp quang học UV-VIS, hồng ngoại, huỳnh quang, hấp thụ nguyên tử, một số phương pháp sắc ký, một số phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ đo thế...). Các phương pháp xử lý mẫu.

17. Giải phẫu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Những đặc điểm cơ bản nhất về giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

18. Sinh lý: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục...)

19. Sinh lý bệnh - Miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Đại cương về sinh lý bệnh, sinh lý bệnh quá trình viêm, bệnh hệ tuần hoàn, bệnh chức phận tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết...

Đại cương miễn dịch học và miễn dịch bệnh lý, cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vaccin và ứng dụng trong việc phòng và điều trị bệnh...

20. Hóa sinh: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ

Cấu trúc, cơ chế tác dụng sinh học và các quá trình chuyển hóa của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: Protid, glucid, lipid, enzym, hormon...

21. Hóa lý dược: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ

Các khái niệm cơ bản và những nguyên tắc của hóa lý ứng dụng trong ngành dược. Mối liên quan giữa các đại lượng cơ bản của nhiệt động học với cân bằng pha và các thuộc tính của dung dịch. Đại cương về các hệ phân tán, điện hóa, động học các phản ứng hóa học, quá trình hòa tan, khuếch tán, các dạng bề mặt và hiện tượng bề mặt...

22. Vi sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Đại cương, cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật... Đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...

23. Ký sinh trùng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Đại cương, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của ký sinh trùng... Đặc điểm, khả năng gây bệnh một số ký sinh trùng thường gặp...

24. Bệnh học: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh - miễn dịch

Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh cơ bản...

25. Thực vật dược: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Thực vật đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hóa của các bậc phân loại chính, tính đa dạng cây thuốc, ý nghĩa và biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc...

26. Hóa hữu cơ: 6 đvht

- **Hóa hữu cơ 1: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ

Đại cương: cấu tạo các hợp chất hữu cơ, hiệu ứng điện tử, đồng phân, các loại phản ứng hóa học, các phương pháp xác định cấu trúc.

Danh pháp, phương pháp điều chế chính, tính chất hóa học cơ bản của hydrocarbon mạch thẳng, thơm, cyclan, dẫn chất halogen, hợp chất cơ kim, sulfol hóa, nitro hóa của hydrocarbon thơm, alcol, phenol, aldehyd, ceton, quinon...

- **Hóa hữu cơ 2: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ 1

Danh pháp, phương pháp điều chế chính, tính chất hóa học cơ bản của acid carbocyclic đơn chức, đa chức và dẫn chất, amin, hợp chất diazoic và azoic, phẩm nhuộm, lipid, hydrat carbon, aminoacid-peptid-protein, hợp chất dị vòng...

27. Dược lý: 7 đvht

- **Dược lý 1: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Hóa sinh, Hóa dược, dược động học

Các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc.

Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương.

- **Dược lý 2: (4 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Dược lý 1

Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin...

28. Dược liệu: 6 đvht

- Dược liệu 1: (3 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Thực vật dược

Nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hóa học chính, tác dụng của các dược liệu chứa 7 nhóm chất tự nhiên: carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavônid, coumarin, tanin. Khái niệm, cấu trúc hóa học, phương pháp định tính định lượng 7 nhóm chất tự nhiên trên.

- Dược liệu 2: (3 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Dược liệu 1

Nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hóa học chính, tác dụng của các dược liệu chứa 4 nhóm hợp chất tự nhiên: tinh dầu, chất nhựa, chất béo và alcaloid. Khái niệm, cấu trúc hóa học, phương pháp định tính định lượng 4 nhóm hợp chất tự nhiên trên.

29. Hóa dược: 6 đvht

- Hóa dược 1: (3 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ, Hóa phân tích

Nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, Vitamin và các chất dinh dưỡng.

- Hóa dược 2: (3 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Hóa dược 1

Nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong...

30. Bào chế và Công nghệ Dược: 8 đvht

- Bào chế và Công nghệ Dược 1: (4 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, Hóa lý

Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc.

- Bào chế và Công nghệ Dược 2: (4 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Bào chế & Công nghệ Dược 1

Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc phun mù, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên, thuốc nang... Tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc.

31. Dược học cổ truyền: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Dược liệu

Đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng một số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền...

32. Pháp chế dược: 3 đvht

Các quy định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc...

33. Quản lý và Kinh tế dược: 4 đvht

Các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược; các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược...

34. Dược lâm sàng: 6 đvht

- **Dược lâm sàng 1: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hóa dược

Các nguyên lý cơ bản trong sử dụng thuốc.

- **Dược lâm sàng 2: (3 đvht)**

Điều kiện tiên quyết: Dược lâm sàng 1

Nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin...

35. Kiểm nghiệm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích

Đại cương chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn thực hành kiểm nghiệm tốt.

Một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc: phương pháp hóa học, phương pháp hóa lý... Kiểm nghiệm một số dạng chế phẩm thông dụng

36. Dược động học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Hóa lý

Quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể.

37. Độc chất học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích

Tính chất hóa học và độc tính của chất độc. Phản ứng phát hiện chất độc trong mẫu phân tích. Cách xử lý một số trường hợp ngộ độc cấp tính.

38. Thực hành dược khoa: 4 đvht

Nội dung giới thiệu về ngành nghề, các thao tác cơ bản trong thực hành nghề nghiệp. Làm quen với các mô hình hoạt động của các cơ sở hành nghề dược và của người dược sỹ.

4. Hướng dẫn sử dụng Chương trình khung đào tạo dược sỹ để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Dược sỹ đại học

Chương trình khung đào tạo Dược sỹ đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa dược có đào tạo ngành dược trình độ đại học.

Chương trình khung dược xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 5 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo 5 nhóm định hướng chuyên ngành: Quản lý và cung ứng thuốc; Sản xuất và phát triển thuốc; Dược lâm sàng; Dược liệu & Dược học cổ truyền; Đảm bảo chất lượng thuốc để giúp các trường thuận lợi trong quá trình tổ chức đào tạo, cũng như cung cấp các kiến thức phù hợp với các lĩnh vực công tác sau này của người học.

Kiến thức bổ trợ gồm 2 loại: Kiến thức bổ trợ theo định hướng chuyên ngành và kiến thức tùy chọn. Căn cứ vào điều kiện của trường, Hiệu trưởng quyết định lựa chọn các định hướng chuyên ngành cụ thể để tổ chức đào tạo. Sinh viên chọn

và đăng ký học 1 trong các định hướng chuyên ngành được trường tổ chức đào tạo. Ngoài 22 đvht lựa chọn theo định hướng chuyên ngành, sinh viên tùy chọn tối thiểu 20 đvht khác từ các học phần trong danh mục của nhóm định hướng chuyên ngành khác và/hoặc danh mục nhóm hỗ trợ.

Phần nội dung chương trình hỗ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng theo đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần hỗ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục)

4.3. Thực tập, thực tế

- Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo. Căn cứ vào quy chế của Bộ GD&ĐT, các trường quy định cụ thể cách đánh giá.

- Thực tế tại cơ sở được sắp xếp vào học kỳ 8 hoặc học kỳ 9 tổ chức cho sinh viên học tập các kỹ năng nghề nghiệp tại các công ty, xí nghiệp, bệnh viện, hiệu thuốc.

4.4. Thi tốt nghiệp

4.4.1. Thời gian ôn thi và thực hiện khóa luận:

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.4.2. Thời gian thi:

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.4.3. Hình thức thi:

- Thi Lý luận chính trị theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thi khóa luận tốt nghiệp hoặc thi lý thuyết tổng hợp.

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành Dược trình độ đại học

Các cơ sở đào tạo ngành Dược trình độ Đại học, ngoài việc đảm bảo điều kiện chung của các trường đại học, phải đảm bảo điều kiện tối thiểu như sau:

4.5.1. Tổ chức

Phải có tối thiểu 9 bộ môn, đơn vị giảng dạy các môn học chuyên ngành.

4.5.2. Cơ sở vật chất

Mỗi môn học chuyên ngành phải có ít nhất 1 phòng thực hành được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

4.5.3. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Phụ lục
DANH MỤC ĐỀ XUẤT CÁC HỌC PHẦN BỔ TRỢ

a) Danh mục đề xuất các học phần bổ trợ theo định hướng chuyên ngành

** Nhóm 1: Quản lý và cung ứng thuốc*

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Kinh tế doanh nghiệp	3
2	Dược dịch tễ	2
3	Nhóm GP (GDP, GSP, GPP)	2
4	Marketing và thị trường dược phẩm	3
5	Dược xã hội học	2
6	Thực hành dược khoa 2	5

** Nhóm 2: Sản xuất và phát triển thuốc*

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Sản xuất thuốc 1	3
2	Sản xuất thuốc 2	3
3	Nhóm GP (GMP, GLP, GSP)	2
4	Sản xuất thuốc 3	4
5	Thực hành dược khoa 2	5

** Nhóm 3: Dược lâm sàng*

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Dược lý 3	2
2	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	4
3	Hóa sinh lâm sàng	2
4	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	4
5	Thực hành dược khoa 2	5

*** Nhóm 4: Dược liệu & Dược học cổ truyền**

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Trồng & phát triển cây thuốc	2
2	Dược liệu 3	4
3	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	4
4	Dược học cổ truyền 2	2
5	Thực hành dược khoa 2	4

*** Nhóm 5: Đảm bảo chất lượng thuốc**

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Ứng dụng phương pháp điện hóa/KN	3
2	Điện di và sắc ký khí	3
3	Kiểm nghiệm 2	2
4	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm	2
5	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	2
6	Thực hành dược khoa 2	4

b) Danh mục đề xuất các học phần bổ trợ khác

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
1	Mỹ phẩm	2
2	Thực phẩm chức năng	2
3	Dược bệnh viện	2
4	Kinh tế dược 2	2
5	Dược cộng đồng	2
6	Kinh tế y tế	2
7	Hóa trị liệu	2
8	Một số phương pháp phổ	2
9	Sản xuất thuốc có nguồn gốc tự nhiên	2
10	NC và phát triển thuốc mới	2

TT	Tên Môn học/Học phần	Tổng số Đvht
11	Một số dạng BC đặc biệt	2
12	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc	2
13	Bảo hiểm Y tế và chính sách công	2
14	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2
15	Tài nguyên tinh dầu Việt Nam	2
16	Đa dạng tài nguyên thuốc	2
17	Thực vật học dân tộc	2
18	PP nghiên cứu dược lý trong DHCT	2
19	Môi trường và sức khỏe	2
20	Quản trị kinh doanh dược	2
21	Nhà nước và Pháp luật	2
22	Đạo đức nghề nghiệp	1

(Xem tiếp Công báo số 141 + 142)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng